

ĐÍNH KÈM THÔNG BÁO MỜI THẦU

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thép V75 (V75x6lyx6m)	Cây	30	
2	Que hàn hyundai S7018.G-3.2mm	Kg	200	
3	Sơn UT6581-A-Ral 7035	Lít	112	
4	Sơn UT-6581-B	Lít	16	
5	Intertherm 50 (20L/ cặp A+B)-Alluminum	Lít	120	
6	Acid CT501	Lọ	20	
7	Loa karaoke dalton TS-12G450X (DTA0460A23200449)	Cái	1	
8	Sơn Interthane 990 Ral 7035 L.Grey PHD704 20L	Lít	60	
9	Dây thép mạ kẽm 1,5ly	Kg	300	
10	Thép V75x75x6 (CT3) cây 6m	Kg	284,17	
11	U100x50x5.5 (CT3) cây 6m	Kg	44,26	
12	U80x40x4 (CT3) cây 6m	Kg	81,82	
13	Hóa chất hilti HIT-HY 200-R V3	Gói	10	
14	Hóa chất (Aceton)	Lít	200	
15	Hóa chất (Acid CT501)	Chai	20	
16	Sơn Interthane 990 Ral 7035 20L	Lít	180	
17	Sơn Interzinc 52, Grey EPA142	Lít	54	
18	Que hàn S-7018.G 3.2	Kg	200	
19	Khớp nối SC 95-10	Cái	20	
20	Bulong lục giác M2.5x8mm	Con	50	
21	Bulong lục giác M2.5x10mm	Con	50	
22	Bulong Lục giác M3x6mm	Con	60	
23	Bulong Lục giác M3x8mm	Con	30	
24	Bulong Lục giác M3x10mm	Con	60	
25	Bulong Lục giác M3x20mm	Con	60	
26	Bulong Lục giác M3x60mm	Con	60	
27	Sơn chống rỉ RP7 chai lớn	Chai	200	
28	Bu-lông hóa chất HY 200-R V3 500/2	Cái	10	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
29	Mũi taro ren	Cái	1	
30	Đầu chuyển 1/2	Cái	10	
31	Đầu chuyển 3/4	Cái	5	
32	Mỡ molykote 1000 (hộp 1kg)	Kg	20	
33	Thanh ren ø10 (dài 1m)	Cây	10	
34	Thanh ren ø12 (dài 1m)	Cây	10	
35	Shim chèn 30,5cm x 254cm x 0.05 mm	Cuộn	1	
36	Shim chèn 30,5cm x 254cm x 0.1 mm	Cuộn	1	
37	Shim chèn 30,5cm x 254cm x 0.2 mm	Cuộn	2	
38	Acid CT501	Lọ	100	
39	Mũi khoan thép đen F6	Cái	5	
40	Van bi (ball valve 2")	Cái	10	
41	Van bi (ball valve 1")	Cái	5	
42	Khớp nối ống mềm dẫn khí 2"	Cái	2	
43	Shim dày 2mm, vật liệu thép đen	Cái	32	
44	Shim dày 3mm, vật liệu thép đen	Cái	32	
45	Shim dày 5mm, vật liệu thép đen	Cái	20	
46	Tuýp 17	Cái	5	
47	Lưỡi dao cắt ống tubing	Cái	20	
48	Dao ống MTC	Cái	2	
49	Mũi khoan sắt ø12	Cái	5	
50	Van bướm tay gạt DN100 (4")	Cái	2	
51	Van bướm tay gạt DN150 (6")	Cái	2	
52	Van bướm tay gạt DN250	Cái	1	
53	Thanh V3x3cm	M	4	
54	Mũi doa cóc	Cái	500	
55	Bolt + Nut M10x30	Bộ	200	
56	Dầu dùi kẽm	Cái	400	
57	Bulong 1 đầu tán (xiết lục giác) M8x80	Cái	50	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
58	Bộ đàm Motorola GP328IS	Cái	10	
59	Thinner GTA 007 (20L)	Lít	60	
60	Bulong 1 1/4 IN x 240 mmstud bolt with 2 heavy hexagonal nuts, Full threaded, ASME B18.2.1/ASME B18.2.2, A193 Gr.B7/A194 Gr.2H)	Bộ	40	
61	Que hàn tig 316	Kg	10	
62	Mỡ bò	Kg	15	
63	Bột thấm hút dầu và hóa chất	Bao	1	
64	Ty ren m10	Cái	50	
65	Đá cắt 125x2x22 xanh	Viên	200	
66	Đá cắt 100x1.5x16	Viên	200	
67	Cọ lăn 6cm	Cái	300	
68	Máy mài cầm tay 18v/BL Dewalt DCG405M2	Cái	2	
69	Cọ quét 1 inch	Cái	300	
70	Đá cắt Cn100.1,5.16	Viên	200	
71	Đá cắt inox CT 100.1,5.16	Viên	200	
72	Đá cắt 125.2.22	Viên	200	
73	Đá cắt 125x2x22 xanh	Viên	200	
74	Đá cắt cn 150.2.22	Viên	150	
75	Đá cắt Inox Ct 150.2.22	Viên	50	
76	Đá cắt Cn 180.2.22	Viên	50	
77	Băng keo giấy	Cuộn	30	
78	Bút xóa	Hộp	5	
79	Bút son	Hộp	5	
80	Bao đựng rác	Cái	3000	
81	Công tơ 3P 5/6A-220/380V-KD	Cái	1	
82	Cầu dao điện: ABS 404c 400A	Cái	1	
83	Thiết bị đo dòng điện RCT-15-1 250/5A	Cái	6	
84	Đèn led báo hiệu màu đỏ AD22-22DS 220V, dùng cho tủ điện hiệu WIZ	Cái	1	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
85	Đèn led báo hiệu màu vàng AD22-22DS 220V, dùng cho tủ điện hiệu WIZ	Cái	1	
86	Đèn led báo hiệu màu xanh lá AD22-22DS 220V, dùng cho tủ điện hiệu WIZ	Cái	1	
87	Đá cắt 100x1.5x16	Viên	200	
88	Đá cắt inox Ct100x1.5x16	Viên	200	
89	Đá cắt 125x2x22 xanh	Viên	200	
90	Dây cáp vải cầu hàng 2Tx3m	Sợi	8	
91	Dây cáp vải cầu hàng 1Tx2m	Sợi	8	
92	Dây cáp vải cầu hàng 3Tx6m	Sợi	6	
93	Dây cáp vải cầu hàng 3Tx3m	Sợi	4	
94	Bộ calip côn 1-15mm và thước thẳng 0-130mm, Model: TPG-700SKD	Bộ	2	
95	Bút lông dầu 2 màu name pen	Hộp	3	
96	Giấy nhám P800 (230x280mm)	Tờ	50	
97	Giấy nhám P600 (230x280mm)	Tờ	50	
98	Màng bọc PE	Cuộn	6	
99	Cọ quét sơn 1 in	Cái	150	
100	Cọ quét sơn 0.5 in	Cái	150	
101	Chén đánh rỉ 100	Cái	200	
102	Bạt 2 da màu xanh	Cuộn	2	
103	Can nhựa 5 lít màu trắng	Cái	2	
104	Can nhựa 10 lít màu trắng	Cái	2	
105	Can nhựa 30 lít màu trắng	Cái	2	
106	Giẻ lau hỗn hợp	Kg	300	
107	Cọ quét molykote 1 inch	Cái	200	
108	Cọ quét acid 3 inch	Cái	500	
109	Bút viết tagname (đầu kim)	Hộp	10	
110	Phấn đá vạch dấu	Hộp	4	
111	Cọ quét 1 inch	Cái	300	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
112	Giẻ lau màu	Kg	200	
113	Bóng đèn led rạng đồng 50W	Cái	6	
114	Giấy nhám AA180	Cuộn	18	
115	Giấy nhám AA100	Cuộn	18	
116	Găng tay cao su	Đôi	100	
117	Rulo chiều dài 15cm	Cái	100	
118	Bình xịt nước	Cái	5	
119	Hộp cầu chì ống	Cái	4	
120	Cầu chì ống 5A	Bộ	1	
121	Cọ lăn 6cm	Cái	500	
122	Băng keo giấy bản rộng 5cm	Cuộn	200	
123	Đá xếp nhám 100	Cái	700	
124	Bát cước nhuyễn	Cái	600	
125	Giấy nhám 180	Cuộn	10	
126	Giấy nhám 150	Cuộn	10	
127	Giấy nhám 100	Cuộn	5	
128	Xũi sơn	Cái	20	
129	Cáng cứu hộ dạng xuồng NF-B2, kiểm định an toàn của đơn vị kiểm định cho bộ dây treo cáng cứu hộ dạng xuồng NF-B2	Bộ	1	
130	Đèn pin cầm tay	Cái	5	
131	Bao tải trắng loại vừa (60x60cm)	Cái	50	
132	Phao quây thấm dầu, sock thấm dầu 7.6cm*1.2m	Cái	4	
133	Miếng chống thấm đa năng 41Cm x 46Cm	Cái	50	
134	Que thử và định danh hóa chất	Cái	1	
135	Băng keo đen	Lốc	5	
136	Băng keo giấy bản rộng 5cm	Cuộn	150	
137	Đồng hồ áp suất	Cái	4	